

Bản án số: 41/2024/HNGĐ-ST

Ngày 23/9/2024

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : ông Hoàng Ngọc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Văn Nghi

ông Vũ Xuân Dự

- **Thư ký phiên tòa:** ông Phạm Văn Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa:** ông Ninh Trọng Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 23/9/2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2024/TLST-HNGĐ ngày 18/6/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/8/2024 và **Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2024/QĐST-DS** ngày 13/9/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** chị **Dương Thị Ngọc H**, sinh năm 1996; nơi ĐKHKTT: **xóm E, xã Á, huyện K, tỉnh Ninh Bình**. Địa chỉ hiện nay: **xóm T, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang** “có đơn xin xét xử vắng mặt”.

- **Bị đơn:** anh **Nguyễn Quốc N**, sinh năm 1996; địa chỉ: **xóm E, xã Á, huyện K, Ninh Bình** “vắng mặt”.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/6/2024, bản tự khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ nguyên đơn chị Dương Thị Ngọc H trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: chị (**Dương Thị Ngọc H**) kết hôn với anh **Nguyễn Quốc N** trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 23/9/2017 tại **UBND xã Á, huyện K, tỉnh Ninh Bình** (là quê anh **N**). Sau kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình nhà chồng tại **xóm E, xã Á, huyện K**. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 2 năm phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt và lối sống dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Chị **H**, anh **N** đã tìm mọi biện pháp để khắc phục mâu thuẫn, hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng sau đó mâu thuẫn

vẫn xảy ra và ngày càng căng thẳng hơn. Do không thể tiếp tục chung sống được với anh **N**, giữa năm 2022 chị **H** đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại xóm T, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang để ở và vợ chồng chính thức sống ly thân nhau cho đến nay. Chị **H** xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị **H** yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **Nguyễn Quốc N**.

Về con chung: chị **H** xác nhận vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu **Nguyễn Thùy A**, sinh ngày 03/10/2019. Hiện nay cháu đang ở với chị **H** tại xóm T, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Khi ly hôn chị **H** có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, chị **H** không yêu cầu anh **N** phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Về tài sản và nợ chung: chị **H** xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có khoản nợ nào chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Quốc N, nơi cư trú tại xóm E, xã Á, huyện K, tỉnh Ninh Bình.** Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện K đã giao Thông báo về việc thụ lý vụ án; giao các tài liệu, chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho anh **N**. Anh **N** đề nghị giao các văn bản của Tòa án cho mẹ anh là bà **Trần Thị L** nhận thay, vì anh bận công việc không có thời gian để nhận, anh **N** đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của nguyên đơn, anh không có ý kiến gì vì anh là người theo đạo thiên chúa.

*Quá trình giải quyết vụ án, ngày 12/7/2024 Tòa án đã xác minh tại địa phương, đại diện UBND xã Á, huyện K cung cấp:* anh **Nguyễn Quốc N** và chị **Dương Thị Ngọc H**, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Á vào ngày 23/9/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống cùng gia đình nhà anh **N** tại xóm E, xã Á. Trong thời gian chung sống anh **N**, chị **H** xảy ra mâu thuẫn với nhau, sau đó anh **N**, chị **H** đã ly thân, chị **H** về quê tại Bắc Giang sinh sống, còn anh **N** sinh sống tại xóm E, xã Á. Địa phương được biết anh **N** đã nhiều lần động viên chị **H** suy nghĩ lại để vợ chồng về chung sống với nhau, cùng nuôi dạy con cái, nhưng chị **H** không quay về chung sống. Thời gian vừa qua chị **H** có đến UBND xã Á để xác nhận một số giấy tờ liên quan đến việc ly hôn, địa phương cũng cố gắng động viên chị **H** để về đoàn tụ, nhưng chị **H** xác định không còn tình cảm với anh **N** nên xin ly hôn. Về con chung, anh **N**, chị **H** có 01 con chung là cháu **Nguyễn Thùy A**, sinh ngày 03/10/2019, khi vợ chồng sống ly thân chị **H** đã đưa cháu **T** về Bắc Giang sinh sống. Về công việc thì cả anh **N**, chị **H** đều là lao động tự do, mặt khác chị **H** đã về quê sinh sống nên thu nhập thực tế của chị **H** như

nào địa phương không biết. Tài sản chung của anh **N**, chị **H** không có vì anh **N** đang sinh sống cùng bố, mẹ tại xóm E, xã A.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 12/7/2024 Tòa án đã làm việc với bà **Trần Thị L** - mẹ đẻ anh **N**, bà **L** cung cấp: con trai bà là **Nguyễn Quốc N** có kết hôn với chị **Dương Thị Ngọc H** vào ngày 23/9/2017 tại UBND xã A. Sau khi cưới, cả anh **N**, chị **H** đều sinh sống cùng vợ chồng bà tại xóm E, xã A. Cuộc sống vợ chồng anh **N**, chị **H** hạnh phúc, nhưng thời gian khoảng 2 năm trở lại đây xảy ra mâu thuẫn dẫn đến chị **H** xin ly hôn anh **N**. Gia đình bà **L** cũng cho biết trong thời gian vợ chồng đi làm ăn xa chị **H** có chơi bời không quan tâm gì đến chồng con và cũng sống ly thân nhau nhiều năm nay. Thời gian gần đây gia đình có nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án, gia đình đã giao cho anh **N**, anh **N** đã nhận được các văn bản của Tòa án và biết việc chị **H** xin ly hôn anh. Gia đình bà **L** đã động viên anh **N** đến Tòa án làm việc để nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị **H**, nhưng không biết anh **N** có đến Tòa án làm việc hay không thì gia đình không biết, chỉ biết anh **N** nói chuyện lại là đồng ý ly hôn chị **H** vì đã nhiều lần động viên chị **H** suy nghĩ lại, nhưng chị **H** vẫn quyết tâm xin ly hôn anh. Vì vậy, anh **N** đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị **H**. Về con chung, anh **N**, chị **H** có 01 con chung là cháu **Nguyễn Thùy A**, sinh ngày 03/10/2019, hiện nay cháu đang sống cùng chị **H** tại Bắc Giang. Về công việc thì cả anh **N**, chị **H** đều là lao động tự do, vì vậy không có tài sản chung, không có nợ chung. Anh **N** hiện đang sống phụ thuộc vào gia đình bà **L**.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của mình; bị đơn không thực hiện đầy đủ các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử cho chị **Dương Thị Ngọc H** ly hôn anh **Nguyễn Quốc N**. Giao con chung là cháu **Nguyễn Thùy A**, sinh ngày 03/10/2019 cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng. Anh **N** không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị **H**; anh **N** có quyền thăm nom con chung. Về án phí: chị **H** phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: đây là quan hệ tranh chấp về “Hôn nhân và gia đình” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Nguyễn Quốc N, sinh năm 1996; địa chỉ: xóm E, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Dương Thị Ngọc H có đơn xin không tiến hành hòa giải, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn anh Nguyễn Quốc N, Tòa án nhân dân huyện K đã tổng đạt giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật cho anh N. Tuy nhiên, tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 13/9/2024 anh Nguyễn Quốc N là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ hai ngày 23/9/2024, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến phiên tòa nhưng anh Nguyễn Quốc N vẫn vắng mặt không có lý do; nguyên đơn chị Dương Thị Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Dương Thị Ngọc H và anh Nguyễn Quốc N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết hôn ngày 23/9/2017 tại UBND xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình, thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng giữa anh N và chị H không thực hiện đúng. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau trong đời sống vợ chồng, dẫn đến mâu thuẫn thường xuyên xảy ra. Mặc dù được hai bên gia đình khuyên giải, động viên và bản thân chị H và anh N cũng cố gắng để hòa hợp, nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện, hiện chị H, anh N đã sống ly thân được hơn 02 năm, không ai quan tâm đến ai.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù anh N đang sinh sống tại xóm E, xã A và anh N đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án cùng các văn bản tố tụng của Tòa án, biết rõ việc Tòa án nhân dân huyện K đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H với anh, nhưng anh N không hợp tác, không đến Tòa án làm việc, không

có văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị **H**. Tòa án cùng chính quyền địa phương đến gia đình nhà anh **N** làm việc, anh **N** không hợp tác và có ý kiến việc chị **H** xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, vì anh đi theo đạo Thiên chúa nên không được phép ly hôn. Như vậy, giữa anh **N** và chị **H** không có biện pháp nào để cải thiện đời sống chung của vợ chồng, anh **N** không có thiện chí hòa giải, có ý bỏ mặc, không quan tâm, không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, hiện nay vợ chồng vẫn sống ly thân. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Hội đồng xét xử xét thấy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị **Dương Thị Ngọc H** được ly hôn anh **Nguyễn Quốc N** là có căn cứ.

[3] Về con chung: chị **H**, anh **N** có 01 con chung là cháu **Nguyễn Thùy A**, sinh ngày 03/10/2019. Hiện nay cháu đang ở với chị **H** và học tập tại **xóm T, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang** từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, chị **H** có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh **N** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Anh **N** không có ý kiến gì về việc nuôi con chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, bản thân gia đình anh **N** và chị **H** đều xác nhận từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay cháu **Thùy A** sinh sống cùng chị **H** và học tập tại **xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang**. Để ổn định về tâm sinh lý và tinh thần, cũng như sự ổn định về môi trường học tập, mặt khác cháu **Nguyễn Thùy A** là con gái, nên cần giao con chung cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng sẽ tốt hơn. Do đó, giao con chung là cháu **Nguyễn Thùy A**, sinh ngày 03/10/2019 cho chị **H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu **Thùy A** đủ 18 tuổi và không buộc anh **N** phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị **H** như sự tự nguyện của chị **H** là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản và nợ chung: chị **H** xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có khoản nợ nào chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh **N** không có ý kiến gì. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: chị **H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, **điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228**, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19,



khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1. Về hôn nhân:** cho ly hôn giữa chị **Dương Thị Ngọc H** và anh **Nguyễn Quốc N**.

**2. Về nuôi con chung:** giao cháu **Nguyễn Thùy A**, sinh ngày 03/10/2019 cho chị **H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu **Thùy A** đủ 18 tuổi. Anh **N** không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị **H**.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

**3. Về án phí:** chị **Dương Thị Ngọc H** phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002242 ngày 18/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K; chị **H** đã nộp đủ.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh NB;
- VKS huyện K;
- THADS huyện K;
- UBND xã Á;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

**Hoàng Ngọc Hưng**